

Số: 63/2022/QĐST-HNGĐ

Lương Tài, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh N V K, sinh năm 1983

Cư trú tại: Thôn NL, TC, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Chị N T B, sinh năm 1987

Cư trú tại: Thôn NL, TC, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N V K và chị N T B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N V K và chị N T B.

2.2- Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao con chung là Nguyễn Thị Đào, sinh ngày 16/2/2008 và Nguyễn Thị Thanh Xuân, sinh ngày 21/9/2011 cho chị Bưởi trực tiếp nuôi dưỡng; anh Khương có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000VNĐ/1 con chung/1 tháng, tổng cộng hai con chung là

1.000.000VNĐ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Khương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung, riêng, nợ chung, riêng: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của anh N V K và chị N T B do các đương sự rút yêu cầu chia tài sản chung. Cụ thể: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS: 99K-1027 của anh N V K; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị N T B gồm: 01 nhà 02 tầng, diện tích 187m² xây trên đất của bố mẹ anh Khương là ông Nguyễn Văn Nghệ và bà Nguyễn Thị Khoản; 1 ti vi LG, 1 máy giặt Sanyo, 1 điều hòa Assanzo, 1 bình nóng lạnh Pidenza, 1 bộ bàn ghế gỗ tạp, 2 giường đôi gỗ lim, 1 tủ gỗ lim, 1 tủ nhôm kính, 1 tủ bếp, 1 bộ bếp gas Newpor-XO, 1 tủ lạnh, 3 quạt cây, 1 quạt trần và xe máy Honda Lead BKS: 99K-1027, yêu cầu phân chia khoản nợ 35.000.000VNĐ chị Bưởi vay của chị Nguyễn Thị Bé, sinh năm 1978, cư trú tại Văn An, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.

Anh Khương và chị Bưởi tự nguyện thỏa thuận: Tài sản chung, riêng, nợ chung, riêng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về công sức: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Khương và chị Bưởi: Anh N V K có nghĩa vụ trích trả công sức cho chị N T B số tiền 140.000.000VNĐ (bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Chậm nhất đến ngày 29/6/2022, anh Khương có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bưởi toàn bộ số tiền trên.

Chị N T B được sở hữu số tiền 140.000.000VNĐ (bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng) do anh N V K trích trả.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2.5- Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

2.5.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Anh N V K và chị N T B mỗi người phải chịu

2.500.000VNĐ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận chị N T B đã nộp 5.000.000VNĐ tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Anh N V K có trách nhiệm thanh toán trả chị N T B số tiền 2.500.000VNĐ.

2.5.2. *Về án phí:* Anh N V K tự nguyện chịu cả 150.000 VNĐ án phí LHST và 150.000VNĐ án phí cấp dưỡng nuôi con; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000VNĐ mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007829 ngày 01/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Trả lại anh N V K số tiền 562.000VNĐ tạm ứng án phí chia tài sản anh đã nộp theo biên lai thu số: 0007853 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại chị N T B số tiền 16.450.000VNĐ tạm ứng án phí chia tài sản chị đã nộp theo biên lai thu số: 0007866 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoan

